TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 825/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Khánh V, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Số F, phố B, ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Số A, đường C, phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phàm A S, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Số F, phố B, ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú tại: Nhà T, đường D, tổ I, khu phố D, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Khánh V trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phàm A S chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số

92/2018, ngày 09/8/2018, hôn nhân là tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Phàm A S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Phàm A S trình bày:

Về hôn nhân: Ông có đăng ký kết hôn hợp pháp với bà Nguyễn Khánh V vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Ông và bà V sống chung được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn; hiện ông và bà V đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay ông đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

1.1 Bà Nguyễn Khánh V, ông Phàm A S vắng mặt và đều có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Khánh V, ông Phàm A S.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Khánh V đối với bị đơn ông Phàm A S:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Khánh V và ông Phàm A S chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, theo Trích lục kết hôn số 433/TLKH-BS ngày 09/8/2024, đây là hôn nhân hợp pháp

theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay bà V yêu cầu được ly hôn với ông Phàm A S, ông Phàm A S đồng ý. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông Phàm A S đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần cho bà V được ly hôn với ông Phàm A S.

2.2 Về con chung: Bà V và ông Phàm A S tự khai không có, nên không đặt ra xử lý.;

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà V tự khai không có; ông Phàm A S thì khai không tranh chấp và đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Khánh V đối với bị đơn ông Phàm A S về việc: “Ly hôn”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Khánh V được ly hôn với ông Phàm A S.

- Về con chung: Bà Nguyễn Khánh V và ông Phàm A S tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Khánh V, ông Phàm A S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Khánh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Khánh V đã nộp theo Biên lai thu kí hiệu BLTU/24, số 0005543 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Khánh V đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Diễm M, ông Nguyễn Chí T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cẩm Hằng